TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ LỘC
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 23-4-2020.
V/v ly hôn giữa chị P
và anh V.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ LỘC - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Văn Quang.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Như Huấn;

2. Ông Nguyễn Hữu Tỉnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Bùi Thị Huyền Thương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

Ngày 23 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2020 về "Tranh chấp ly hôn và nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXX-ST ngày 27 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị P, sinh năm 1984; cư trú tại: Xóm T, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Anh V, sinh năm 1980; cư trú tại: Xóm T, xã M, huyện L, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và lời khai tiếp theo tại Toà án, chị Trần Thị P trình bày:

Chị và anh Trần Anh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 5 năm 2005 tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Phương L, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2006 và Trần Việt A, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2011. Tuy nhiên vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn vì không có tiếng nói chung, nguyên nhân mâu thuẫn do anh V chơi bời cờ bạc nợ nần phá tán tài sản, không quan tâm đến gia đình vợ con. Sau khi bán hết nhà cửa không còn chỗ ở vợ chồng đã ly tán mỗi

người một nơi từ tháng 10 năm 2017 đến nay không quan tâm gì đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn và nuôi con chung, anh V phải có nghĩa vụ cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng. Tài sản chung cũng như công nợ vợ chồng không có. Hiện tại vì điều kiện công việc làm công nhân, không có thời gian đến Toà án để giải quyết việc ly hôn nên chị đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Tại lời khai anh Trần Anh V xác nhận về các mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản vợ chồng như chị P trình bày. Mâu thuẫn vợ chồng như chị P trình bày là đúng. Việc bán nhà phá tán tài sản gia đình làm khổ vợ con là do anh chơi bời nợ nần gây nên. Hiện vợ chồng đang sống mỗi người một nơi nhưng chị P yêu cầu ly hôn anh không đồng ý vì lý do con cái còn nhỏ. Nếu chị P kiên quyết ly hôn thì anh đồng ý quan điểm mỗi tháng cấp dưỡng 1.000.000 đồng để chị P nuôi dưỡng hai con.

Tại phiên toà: Hội đồng xét xử công bố lời khai thể hiện quan điểm của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Nguyên đơn chị Trần Thị P vắng mặt tại phiên toà nhưng có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt. Bị đơn anh Trần Anh V không có yêu cầu phản tố và đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Hôn nhân giữa chị Trần Thị P và anh Trần Anh V trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 25 tháng 5 năm 2005 tại Uỷ ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Nam Định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Trần Thị Phương L, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2006 và Trần Việt A, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2011. Trong cuộc sống sinh hoạt vợ chồng mâu thuẫn phát sinh là do việc anh V không những không tu chí làm ăn chăm lo cho gia đình vợ con mà còn chơi bời dẫn đến nợ nần phá tán tài sản. Để khắc phục chỗ ở duy trì cuộc sống, năm 2017 chị P phải đưa con về ở nhờ gia đình bên ngoại còn anh V đi làm ăn bươn trải ngoài xã hội. Do điều kiện kinh tế khó khăn, con nhỏ, vợ chồng mâu thuẫn mỗi người một nơi không quan tâm đến nhau nên tình cảm vợ chồng không còn. Nay chị P xác định vợ chồng mâu thuẫn kéo dài đã nhiều năm, tình cảm không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị được ly hôn là có cơ sở để Toà án xem xét. Phía anh V mặc dù có quan điểm không muốn vợ chồng ly hôn vì con cái còn nhỏ nhưng bản thân anh lại không có giải pháp tích cực nào nhằm hàn gắn rạn nứt tình cảm vợ chồng mà cứ buông xuôi, bỏ mặc tình trạng vợ chồng mỗi người một nơi không quan tâm gì đến nhau như anh xác nhận.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành hoà giải để anh chị tháo gỡ mâu thuẫn trở về đoàn tụ xây dựng hạnh phúc nhưng phía chị P vẫn kiên quyết ly hôn. Điều đó cho thấy việc anh V không đồng ý ly hôn cũng sẽ không mang lại hạnh phúc mà chỉ làm kéo dài thêm sự bất hạnh của cuộc hôn nhân mà trên thực tế đã hoàn toàn đổ vỡ. Vì vậy Toà án sẽ căn cứ vào quy định của pháp luật để xem xét giải quyết nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh V đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị P để giải phóng khỏi sự ràng buộc của hôn nhân không hạnh phúc cho các bên là hoàn toàn có căn cứ, phù hợp với thực tế cũng như quy định của pháp luật.

[3] *Về quan hệ con chung*: Chị P và anh V cùng xác nhận vợ chồng có hai con chung là Trần Thị Phương L, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2006 và Trần Việt A, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2011. Chị P có nguyện vọng nuôi dưỡng cả hai con và yêu cầu cấp dưỡng 1.000.000đ/tháng được anh V chấp thuận. Xét việc thoả thuận nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội và cũng đúng với nguyện vọng của các con anh chị đều muốn được ở với mẹ. Vì vậy nên giao cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con trưởng thành, anh V cấp dưỡng nuôi con hàng tháng là phù hợp.

[3] *Về quan hệ tài sản*: Chị P và anh V cùng xác nhận vợ chồng không có tài sản chung cũng như công nợ.

[4] *Về án phí*: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Trần Thị P đối với anh Trần Anh V;

Xử ly hôn giữa chị Trần Thị P và anh Trần Anh V.

2. Về nuôi con chung: Giao hai cháu Trần Thị Phương L, sinh ngày 02 tháng 3 năm 2006 và Trần Việt A, sinh ngày 04 tháng 01 năm 2011cho Chị Trần Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục trưởng thành. Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng để chị P nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đ (một triệu đồng) kể từ tháng 5 năm 2020.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội.

Chị P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số AA/2017/0001469 ngày 06/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Lộc;
- TAND tỉnh Nam Định;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Lộc;
- UBND xã M;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Văn Quang